

## CHƯƠNG III

# CÁC CƠ SỞ LÝ LUẬN

### Bài 4

## HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong, học viên phải:

1. Liệt kê được đầy đủ những chức năng sinh lý của 6 Tạng và 6 Phủ của YHCT.
2. Phân tích được những chức năng sinh lý của Tạng Phủ.
3. Xác định được những triệu chứng xuất hiện tương ứng với chức năng bị rối loạn.

### 1. ĐẠI CƯƠNG

Từ xa xưa các thầy thuốc Y học cổ truyền (YHCT) đã qui nạp các chức năng sinh lý, các biểu hiện bệnh lý trong cơ thể người và hệ thống hoá chúng theo thuộc tính của âm Dương, Ngũ hành để từ đó hình thành ra học thuyết Tạng tượng. Theo đó:

- Mỗi một Tạng, không chỉ là một cơ quan theo ý nghĩa giải phẫu học mà còn bao gồm chức năng và vai trò của tạng đó trong mối liên hệ hữu cơ giữa nó với các Tạng khác.
- Mỗi một Tạng còn phản ánh đầy đủ sự thống nhất trong nội bộ của cơ thể và sự thống nhất giữa cơ thể với môi trường. Tính thống nhất này biểu hiện ở chỗ hoạt động sinh lý, bệnh lý của hệ thống ngũ Tạng quan hệ với sự thay đổi của 5 mùa, quan hệ lẫn nhau giữa các Tạng Phủ với các tổ chức phần ngoài cơ thể, với hoạt động tư duy của con người.

### 2. NỘI DUNG HỌC THUYẾT

Trong đó mối quan hệ Tạng - Phủ tương ứng là mối quan hệ **âm Dương hổ căn (quan hệ biểu lý)**, còn mối quan hệ giữa các Tạng là mối quan hệ **Ngũ hành sinh khắc**. Ngoài ra, để làm rõ mối quan hệ này học thuyết Kinh lạc ra đời cũng góp phần không nhỏ trong biện chứng luận trị của Đông Y.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là chức năng sinh lý của Tạng Phủ chỉ là sự suy luận dựa vào thuộc tính của Ngũ hành mà chúng còn là những tổng kết từ thực tiễn quan sát lâm sàng.

### 3. HỆ THỐNG TẠNG

#### 3.1. Tạng Phế

##### 3.1.1. Chức năng sinh lý của tạng Phế

*a. Phế chủ khí:* (Ngũ tạng sinh thành thiên)

Khí là vật chất trọng yếu, cơ thể nhờ Khí để duy trì sự sống. Khí theo YHCT có 2 nguồn: Một là từ tinh khí trong đồ ăn thức uống, hai là từ khí trời hít vào người. Khí trời từ phía ngoài đi vào cơ thể qua Phế. Khí từ đồ ăn thức uống qua sự tiêu hóa của Vị được Tỳ chuyển lên Phế. Hai khí ấy kết hợp lại gọi là “Tông khí”. Tông khí là khí hậu thiên đi ra họng để làm hô hấp, dồn vào Tâm mạch, phân bố khắp toàn thân. Cho nên hàm nghĩa của Phế chủ khí chẳng những Phế coi việc hô hấp mà còn nói toàn bộ khí của cơ thể khắp trên dưới trong ngoài đều do Phế làm chủ.

Rối loạn chức năng Phế chủ khí sẽ dẫn đến:

- Những triệu chứng ở bộ máy hô hấp: Ho, khó thở, suyễn, nặng tức ngực.
- Những triệu chứng của tình trạng suy nhược: Mệt mỏi, thiếu hơi, đoản khí.

*b. Phế giúp Tâm chủ trị tiết:*

“Trị tiết” có nghĩa là quản lý rành mạch, không rối loạn có thứ tự rõ ràng, ở đây là chỉ vào sự hoạt động sinh lý có quy luật. Sở dĩ các tổ chức Tạng Phủ trong cơ thể hoạt động có quy luật nhất định, tuy do công dụng “Tâm chủ thần minh” của Tâm, nhưng vẫn cần được sự hỗ trợ của Phế. Cho nên, Thiên Linh lan bí điển luận - Tố vấn nói: “Phế giữ chức tướng phó việc trị tiết từ đó mà ra”. Tác dụng tướng phó của Phế biểu hiện về mặt huyết mạch, chủ yếu là ở mối quan hệ tác dụng lẫn nhau giữa Khí và Huyết. Tâm chủ Huyết, Phế chủ khí, cơ thể nhờ sự vận hành tuần hoàn của khí huyết để vận chuyển chất dinh dưỡng, duy trì hoạt động cơ năng và quan hệ nhịp nhàng giữa các tạng và quan hệ nhịp nhàng giữa các Tạng Phủ. Sự vận hành của Huyết tuy do Tâm làm chủ nhưng phải nhờ vào tình hình thoải mái của Phế khí mới có thể vận hành bình thường. Khí của toàn thân tuy do Phế làm chủ nhưng cần phải nhờ sự vận hành của huyết mạch mới có thể thông đạt khắp toàn thân. Tâm với Phế, Huyết với Khí nương tựa nhau, tác thành cho nhau, gây tác dụng cho nhau rất chặt chẽ. Cho nên đời sau có cách nói: “Khí là thống soái của Huyết, Huyết là mẹ của Khí, Khí lưu hành thì Huyết lưu hành, chỗ nào Huyết đi đến thì Khí cũng đi đến”.

Phế thông điều thủy đạo, chủ tuyên giáng (tuyên thông, tuyên phát, túc giáng)

*Phế chủ tuyên thông:* Chức năng làm sạch khí trời đồng thời giúp cho sự hít vào thở ra thông suốt. Rối loạn chức năng này sẽ đưa đến:

- Ngạt mũi.
- Tức ngực, khó thở.

*Phế thông điều thủy đạo, chủ túc giáng:* Nước uống vào Vị qua sự chuyển vận của Tỳ sẽ được đưa lên Phế để phân bố khắp cơ thể rồi theo đường thủy đạo của tam tiêu mà đi vào bàng quang (gọi là Phế khí túc giáng), vì thế tiểu tiện có thông lợi hay không sẽ liên quan tới chức năng này do đó người ta nói phế là nguồn trên của nước (Phế vi thủy chi thượng nguyên).

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Tiểu tiện không thông lợi.
- Rối loạn bài tiết mồ hôi.
- Phù thũng.

*Phế chủ tuyên phát:*

Sự tuyên phát của Phế (tuyên Phế) thúc đẩy Khí, Huyết, Tân dịch phân bố ra toàn thân, bên trong đi vào các Tạng Phủ, ngoài đi ra bì mao cơ nhục không nơi nào không đến ...

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Mệt mỏi.
- Da dẻ xanh xao, nhợt nhạt.
- Đàm ẩm.

*d. Phế chủ bì mao (Lục tiết Tạng tượng luận - Tố vấn)*

Phế thông qua bì mao giúp cơ thể điều tiết được thân nhiệt để thích nghi với khí hậu, môi trường.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Khó thích nghi với sự thay đổi thời tiết.
- Da lông khô kém tươi nhuận.

*e. Phế khai khiếu ra mũi (Mạch độ thiên - Linh khu)*

Mũi là khí quan của Phế. Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Mũi nghẹt, chảy nước mũi.
- Khứu giác giảm.

*g. Mối liên quan giữa chức năng Phế với sự buồn rầu*

Buồn rầu (ừ) là tình chí của Phế. Tuy nhiên, buồn rầu thái quá sẽ làm tổn thương đến tạng Phế. Ngược lại, khi Phế suy sẽ biểu hiện bằng sự buồn rầu.

*h. Phế tàng phách*

Phách là dáng vẻ, phong thái bên ngoài, khi Phế khí suy thì người bệnh sẽ có dáng vẻ ủ rũ.

### 3.1.2. Những bộ phận có liên quan đến Tạng Phế

- Mối liên quan giữa **Phế** và phủ **Đại trường**
- Mối liên quan giữa Phế và các tạng phủ khác:
  - + Tỳ Phế tương sinh : Tỳ vận hóa thủy cốc thành tinh hoa hợp với khí trời do Phế hít vào để tạo thành Tông khí.
  - + Phế Thận tương sinh : Thận tàng trữ thủy dịch, Phế thông điều thủy đạo. Phế chủ Khí , Thận nạp Khí.
  - + Can Phế tương khắc : Can tàng Huyết, Phế chủ Khí , Khí hành để vận chuyển Huyết đi
  - + Tâm Phế tương khắc : Phế chủ Khí , Tâm chủ Huyết; cả hai đều do tinh hoa của thủy cốc khí hóa mà thành do đó có sự tương tranh lẫn nhau.

## 3.2. Tạng Tâm

### 3.2.1. Chức năng sinh lý Tạng Tâm

Tâm thuộc Thiếu âm, thuộc hành Hỏa. Tâm đứng đầu 12 khí quan nên gọi là **“Thiếu âm quân chủ”**.

*a. Tâm là vua, là chủ của các tạng khác. Tâm chủ thân mình:*

Thiên Tà khách - sách Linh khu viết: “Tâm là vị đại chủ của lục phủ ngũ tạng, là chỗ cư trú của thần minh”.

Thiên Lục tiết Tạng tượng luận - Tố vấn nói: “Tâm là nguồn gốc của sinh mệnh, là nơi biến hoá của thần minh”.

Thiên Linh lan bí điển luận – sách Tố Vấn nói: **“Chủ sáng suốt thì dưới yên lành, chủ không sáng suốt thì 12 khí quan suy khốn”**. Ý nói mọi sự hoạt động của các chức năng sinh lý khác trong cơ thể đều chịu sự chi phối của Tâm. Đồng thời, Tâm làm chủ toàn bộ mọi hoạt động có ý thức như tinh thần, phán đoán, tư duy.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Mất ý thức.
- Rối loạn ý thức.

*b. Tâm chủ huyết mạch, vinh nhuận ra mặt*

Thiên Quyết Khí luận - sách Tố vấn nói: “Trung tiêu bảm thụ khí, giữ lại trấp dịch. Tâm khí biến hoá trấp dịch ấy ra Huyết”.

Mạch là một trong năm thành phần của cơ thể (Mạch – Da – Thịt – Gân – Xương). Mạch vận chuyển huyết dịch lưu thông khắp cơ thể không ngừng.

Thiên Lục tiết Tạng tượng – sách Tố vấn nói: **“Sự sung mãn của Tâm biểu hiện ở sắc mặt tươi tắn, hồng hào”** vinh nhuận ra ở mặt.

Ý nói Tâm biến hóa tinh hoa thủy cốc được vận hóa ở Tỳ thành Huyết và thông qua Mạch để vận chuyển Huyết dịch đi khắp cơ thể mà sắc mặt là nơi biểu hiện chức năng này rõ nhất. Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Sắc mặt nhợt nhạt hoặc tím tái hoặc không tươi tắn.

*c. Tâm khai khiếu ra lưỡi*

Lưỡi là một trong những vị trí biểu hiện sự sung mãn của tạng Tâm, đặc biệt là chót lưỡi.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Lưỡi đỏ.
- Lưỡi nhợt.
- Lưỡi tím.

*d. Mối liên quan giữa chức năng Tâm với sự vui mừng*

Sự vui mừng (hỷ) là tình chí của Tâm. Tuy nhiên, vui mừng thái quá sẽ làm tổn thương đến tạng Tâm và ngược lại khi rối loạn chức năng Tâm thì sẽ biểu hiện bằng sự vui mừng vô cớ hoặc là cười nói huyên thuyên.

*e. Tâm có Tâm bào lạc làm ngoại vệ cho Tâm*

Rối loạn chức năng Tâm bào sẽ dẫn đến tổn thương chức năng của Tâm.

*g. Những bộ phận có liên quan đến Tạng Tâm*

- Mối liên quan giữa Tạng Tâm với Phủ Tiểu trường: chất tinh hoa do Tiểu trường hấp thu sẽ được Tỳ chuyển hóa thành huyết dịch để Tâm vận chuyển.
- Mối liên quan giữa Tạng Tâm và các Tạng khác:
  - + **Tâm Tỳ tương sinh** : Tâm chủ Huyết, Huyết là tinh hoa của thủy cốc, được khí hóa ở Tỳ. Tỳ giữ Huyết đi trong lòng mạch.
  - + **Tâm Can tương sinh** : Can tàng Huyết, Tâm chủ Huyết.
  - + **Tâm Thận tương khắc** : Tâm chủ Huyết, Thận chủ tàng trữ Tân dịch. Huyết và Tân dịch đều là tinh hoa của thủy cốc, do đó có mối quan hệ tương tranh.
  - + **Tâm Phế tương khắc** : Phế chủ Khí , Tâm chủ Huyết; cả hai đều do tinh hoa của thủy cốc khí hóa mà thành do đó có sự tương tranh lẫn nhau.

### 3.3. Tạng Can

#### 3.3.1. Chức năng sinh lý Tạng Can

*a. Can chủ sơ tiết:*

Chức năng này có liên đến trạng thái tâm lý của cơ thể, nếu Can bình thường thì Tâm trạng sẽ sáng khoái, thoải mái.

Nếu rối loạn sẽ cảm thấy u uất hoặc dễ nổi giận, cáu gắt.

*b. Can tàng huyết:*

Can có công năng tàng trữ và điều tiết huyết dịch. Khi cơ thể hoạt động, huyết do Can tàng trữ được đem cung ứng cho các tổ chức khí quan có nhu cầu. Khi ngủ hoặc nghỉ ngơi thì huyết dịch lại trở về Can tạng. Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến: Khó dỗ giấc ngủ, ngủ không yên, hay giật mình trong giấc ngủ.

*c. Can chủ cân, tinh ba của nó thể hiện ở móng tay, móng chân*

Chức năng này chi phối toàn bộ hệ vận động của cơ thể, có liên quan đến chức năng của thần kinh, cơ cũng như phản xạ tủy sống. Chức năng này rối loạn có thể do Can huyết không đủ, không hàm dưỡng được Cân. Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Co duỗi khó khăn.
- Co giật, động kinh.

Móng tay, móng chân là phần dư của **cân**, có quan hệ mật thiết với Can khí, Can huyết. Can huyết sung túc thì móng tay, móng chân chắc và bóng mịn.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Móng tay, móng chân nhợt không bóng mịn.

*d. Can khai khiếu ra mắt:*

Sự tinh tường của thị giác liên quan đến Can.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Thị lực giảm, quáng gà (Can hư).
- Đau mắt, đỏ mắt (Can thực).

*e. Can chủ mưu lược (Linh lan bí điển luận)*

Can khí đầy đủ thì suy nghĩ chín chắn, phán đoán sự việc chính xác.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Khó tập trung suy nghĩ.
- Phán đoán thiếu chính xác.

*h. Can tàng hồn*

Hồn là sự cảm xúc, khi Can khí rối loạn thì người bệnh sẽ bị rối loạn cảm xúc, biểu hiện bằng sự trầm cảm.

*h. Mối liên quan giữa chức năng Can với sự giận dữ*

Giận dữ (nộ) là tình chí của Can tuy nhiên giận dữ quá mức sẽ làm hại đến công năng của Can. Ngược lại khi chức năng Can bị rối loạn thì người bệnh hay giận, dễ cáu gắt.

*i. Những vùng cơ thể có liên quan đến tạng Can*

- Mối liên quan giữa tạng Can và Phủ đờm: Đờm chứa đựng tinh trấp (một loại chất lỏng) do Can làm ra, đó là Mật.
- Mối liên quan giữa tạng Can và các tạng khác:
  - + Can Thận tương sinh : Thận tàng Tinh , chủ Tủy là cơ sở để sinh ra Huyết (Can tàng Huyết).
  - + Tâm Can tương sinh : Can tàng Huyết, Tâm chủ Huyết.
  - + Can Tỳ tương khắc: Tỳ vận hóa thủy cốc, can sơ tiết sự vận hóa của Tỳ.
  - + Can Phế tương khắc: Can tàng Huyết, Phế chủ Khí để vận hành Huyết.

### **3.4. Tạng Tỳ**

#### **3.4.1. Chức năng sinh lý tạng Tỳ**

*a. Tỳ chủ vận hoá thủy cốc: (sự tiêu hóa - hấp thu)*

Tỳ có chức năng hấp thu và vận chuyển các chất dinh dưỡng cho cơ thể. Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

Đầy bụng, trướng bụng, chậm tiêu. Tiêu chảy sống phân.

*b. Tỳ chủ vận hóa thủy thấp:*

Thủy dịch của người ta nhờ vận hóa của Tỳ mà không bị ứ đọng lại. Nói tóm lại Tỳ điều hòa lượng nước trong cơ thể. Nếu rối loạn sẽ đưa đến phù thũng, cổ trướng hoặc thậm chí là đàm ẩm

*c. Tỳ sinh huyết: (Tứ thập nhị nạng kinh)*

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Thiếu máu.
- Kinh ít, vô kinh (do kinh Tỳ có quan hệ đến mạch Nhâm ở vùng bụng dưới).

*d. Tỳ thống nhiếp huyết*

Tỳ ngoài chức năng sinh huyết, còn có công dụng giữ huyết chạy trong lòng mạch (Thống nhiếp huyết).

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Xuất huyết dưới da.
- Rong kinh, rong huyết.

*e. Tỳ chủ tứ chi:*

Tay chân nhờ dương khí mà hoạt động, dương khí vốn từ các chất tinh vi trong đồ ăn thức uống thông qua sự vận hoá ở Tỳ mà có. Vì thế sức hoạt động mạnh hay yếu của chân tay có quan hệ chặt chẽ với Tỳ. Nếu Tỳ không thể vận

hoá ngũ cốc thì tay chân không được sự ôn dưỡng của dương khí nên sẽ không có sức vận động mà sinh ra chứng Nuy.

*g. Tỳ chủ cơ nhục*

(Thức ăn uống vào Vị qua sự vận hóa hấp thu của Tỳ để dinh dưỡng cơ nhục. Nếu Tỳ bị bệnh thì cơ nhục không được dinh dưỡng đầy đủ khiến thì người sẽ gầy ốm dần cho nên Thiên Suy luận - Tố vấn nói: “Tỳ chủ về cơ nhục của toàn thân”. Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Bắp thịt tay chân mềm nhũn hoặc teo tóp.
- Sa cơ quan: Sa dạ dày, sa sinh dục.

*g. Tỳ vinh nhuận ra ở môi:*

Nếu tinh khí của Tỳ kiệt thì môi nhợt nhạt, thâm khô.

*i. Tỳ tàng ý*

Khi Tỳ bị rối loạn sẽ xuất hiện triệu chứng hay quên.

*k. Mối liên quan giữa chức năng Tỳ với sự suy nghĩ*

Suy nghĩ (tư) là tình chí của Tỳ, khi suy nghĩ quá mức sẽ làm tổn hại đến Tỳ và ngược lại khi Tỳ bị bệnh sẽ biểu hiện trạng thái hay trầm tư.

*l. Những bộ phận có liên quan đến tạng Tỳ*

- Mối liên quan giữa tạng Tỳ và phủ Vị: Tỳ vận hành Tân dịch cho Vị.
- Mối liên quan giữa tạng Tỳ và các tạng khác:
  - + Tỳ Phế tương sinh : Tỳ vận hóa thủy cốc thành tinh ba, hợp với khí trời do Phế hít vào để tạo thành Tông khí.
  - + Tâm Tỳ tương sinh : Tâm chủ Huyết mạch, Huyết là tinh hoa của thủy cốc, được khí hóa ở Tỳ. Tỳ giữ cho Huyết đi trong lòng mạch.
  - + Can Tỳ tương khắc : Tỳ vận hóa thủy cốc, Can sơ tiết Đờm dịch liên quan đến sự vận hóa của Tỳ.
  - + Tỳ Thận tương khắc : Tỳ khí hóa thủy dịch, Thận tàng trữ thủy dịch.

### **3.5. Tạng Thận**

#### **3.5.1. Chức năng sinh lý Tạng Thận**

Thận bao gồm Thận âm, Thận dương. Thận âm còn gọi là Chân âm, Nguyên Âm, Nguyên Thủy. Thận Dương còn gọi là Thận Khí, Thận Hỏa, Chân Dương, Nguyên Dương, Chân Hỏa, Mệnh môn Hỏa.

*a. Thận là gốc Tiên thiên, nguồn gốc của sự sống:* (Tiên thiên chi bản, sinh khí chi nguyên)

Thận là cái được sinh thành, sẽ phát sinh, phát triển, Thận quyết định sự phát dục của cơ thể người. Rối loạn chức năng này có liên quan đến những bệnh lý có tính di truyền, những bệnh bẩm sinh.

*b. Thận chủ Thủy*

Nước uống vào Vị, được chuyển hoá bởi Tỳ, lưu thông nhờ Phế và được tàng chứa ở Thận. Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến phù thũng.

*c. Thận chủ Hoả*

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Lạnh trong người, tay chân lạnh, sợ lạnh.
- Người mệt mỏi, hoạt động không có sức.

*d. Thận giữ chức năng bế tàng*

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Khó thở, mệt mỏi (Thận không nạp được Khí).
- Tiểu nhiều (Thận không giữ được Thủy).
- Mồ hôi chảy như tắm (Thận không liễm được Hãn).

*e. Thận tàng Tinh:*

Tinh hoa của ngũ cốc được Vị thu nhận, hóa, tàng chứa nơi Thận. Tinh hoa của mọi Tạng Phủ cũng được tàng chứa nơi Thận.

Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Gầy, sút cân.
- Ở đàn ông: Di mộng tinh, liệt dương.
- Ở đàn bà: Rối loạn kinh nguyệt, lãnh cảm, vô sinh.

*g. Thận chủ kỹ xảo, tác cường chi quan*

Tất cả sự mạnh mẽ, khéo léo của con người là nhờ ở Thận.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến mất khả năng thực hiện các động tác khéo léo, tinh vi.

*h. Thận chủ cốt tuỷ:*

Thận tàng tinh, tinh sinh ra tuỷ. Tuỷ chứa trong các khoảng rỗng của xương, có tác dụng nuôi dưỡng xương. Xương cốt vững chãi, tuỷ dồi dào, răng chắc (theo YHCT răng là phần thừa của cốt) chứng tỏ Thận khí đầy đủ.

Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Đau nhức trong xương tuỷ.
- Còi xương chậm phát triển.
- Răng lung lay.

*i. Thận khai khiếu ra tai, sự sung mãn biểu hiện ở tóc*

Nếu Thận khí không sung mãn thì:

- Tai ù, điếc, nghễnh ngãng, sức nghe kém.
- Tóc bạc, khô, dễ rụng.

*k. Thận chủ tiền âm, hậu âm*

Tiền âm là lỗ tiểu và lỗ sinh dục ngoài. Hậu âm là hậu môn.

Khi Thận suy có thể đưa đến tiểu tiện không tự chủ hoặc xuất tinh sớm hoặc di mộng tinh.

*l. Thận tàng chí*

Ý chí do Thận làm chủ. Thận khí bất túc thì tinh thần trở nên yếu đuối, thiếu ý chí, bạc nhược.

*m. Mối liên quan giữa chức năng Thận với sự sợ hãi*

Sợ hãi (khủng) là tình chí của Thận. Tuy nhiên sợ hãi quá mức sẽ làm hại Thận khí và ngược lại khi Thận khí suy thì người bệnh dễ kinh sợ.

*n. Những vùng cơ thể có liên quan đến tạng Thận:*

- Quan hệ giữa Thận với Bàng quang: Thận làm ra nước tiểu và Bàng quang bài tiết nước tiểu.
- Mối liên quan giữa Thận với các tạng khác:
  - + **Phế Thận tương sinh** : Phế chủ Khí , Thận nạp Khí.
  - + **Can Thận tương sinh** : Thận tàng Tinh , chủ Thủy, là cơ sở để sinh ra Huyết (Can tàng Huyết).
  - + **Tỳ Thận tương khắc** : Tỳ khí hóa thủy dịch, Thận tàng trữ thủy dịch.
  - + **Tâm Thận tương khắc** : Tâm chủ Huyết, Thận tàng Tinh. Huyết và Tinh đều là tinh hoa của thủy cốc, do đó có mối quan hệ tương tranh.

## 4. HỆ THỐNG PHỦ

Lục phủ bao gồm: Đởm, Vị, Đại trường, Tiểu trường, Bàng quang, Tam tiêu và Kỳ hừng. Công năng của lục phủ nói chung là thu nhận và tiêu hoá thức ăn uống, vận chuyển phân bố tân dịch, chất dinh dưỡng và thải chất cặn bã. Vì thế, còn được gọi là “Phủ truyền hóa”.

### 4.1. Phủ Đại trường

*Chức năng phủ Đại trường:*

Đại trường gồm 2 bộ phận: Hồi trường và Trực trường, đầu cuối trực trường gọi là Giang môn (Phách môn). Đại trường có công dụng hấp thụ phần nước gọi là tế bí biệt trấp, vì cặn bã ở Tiểu trường dồn xuống sau khi được Đại trường hấp thụ phần nước mới thành phân. Vì thế Đại trường là một cơ quan truyền tống cặn bã và làm cho cặn bã thành tinh. Cho nên Thiên Linh lan bí

điển luận - Tố vấn: “Đại trường giữ chức truyền tống, vật đã biến hóa từ đấy mà ra”. Nếu Đại trường hư hàn, mất công năng “Tế bí biệt trấp” thì có các chứng sôi bụng, đau xoắn, ỉa chảy. Trái lại, Đại trường thực nhiệt, dịch ruột khô ráo thì xuất hiện chứng táo bón. Nói tóm lại chức năng của Đại trường là hấp thu nước và bài xuất phân ra ngoài.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Tiêu chảy.
- Táo bón.

## 4.2. Phủ Tiểu trường

### 4.2.1. Dựa trên cơ sở Kinh dịch

Theo Kinh dịch, Phủ Tiểu trường ứng với quẻ Kiên của Hậu thiên Bát quái.

Quẻ Kiên tượng trưng cho ánh sáng rực rỡ, sức nóng. Như vậy, Phủ Tiểu trường và tạng tâm có cùng một tính chất với nhau.

Quẻ Kiên là nơi Âm Dương tranh chấp nhưng rồi cũng xuôi theo. ứng với quẻ Kiên, Tiểu trường là nơi thanh Dương trợ Âm cùng lẫn lộn, nhưng Tiểu trường có chức năng phân biệt thanh trợ, sau đó thì thanh sẽ thắng và trợ sẽ giáng.

### 4.2.2. Chức năng sinh phủ Tiểu trường

Tiểu trường giữ chức phận phân biệt thanh trợ:

Tiểu trường tiếp thụ đồ ăn uống đã được làm chín nừ ở Vị và phân biệt thanh trợ làm cho thủy dịch và cặn bã được phân chia ra rành rọt. Vì thế nếu công năng Tiểu trường không được kiện toàn thì sẽ ảnh hưởng đến đại tiểu tiện.

Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Nước tiểu đục, đỏ.
- Tiêu lỏng.

## 4.3. Phủ Tam tiêu

### 4.3.1. Dựa trên cơ sở Nội kinh

Nội kinh viết: “**Tam tiêu là nguồn nước, thủy đạo xuất ra từ đây**”. Như vậy, Tam tiêu chủ về thủy đạo, ví như một vị quan trông coi điều khiển việc khơi xẻ đường thủy đạo cho lưu thông (**Quyết độc chi quan**).

Chương 31, sách Nạn kinh nói Tam tiêu là con đường đưa khí huyết tân dịch đi chu lưu khắp tạng phủ.

Thiên Ngũ lung Tân dịch biệt luận - sách Linh khu nói: Tam tiêu đưa khí ra làm ấm áp bắp thịt, đưa Tân dịch ra làm tươi nhuận bì phu ...”.

Thiên Bản thân - sách Linh khu viết: “Tam tiêu là phủ trung độc (chỗ hội tụ của đường nước) đường nước do đó mà ra, thông với Bàn quang”.

Tóm lại, Tam tiêu là con đường phân bố Khí, huyết, Tân dịch trong cơ thể con người.

#### **4.3.2. Phân biệt bộ vị của Tam tiêu và công năng của mỗi bộ vị**

Theo Thiên Dinh vệ sinh hội - sách Linh khu, Tam tiêu được phân ra:

- Thượng tiêu: Từ miệng trên của Vị (Bí môn) đến dưới lưỡi, bao gồm cả bộ phận lồng ngực và hai tạng Tâm, Phế.
- Trung tiêu: Từ miệng trên của Vị (Bí môn) đến miệng dưới của Vị (U môn) bao gồm cả bộ phận bụng trên và Tỳ Vị.
- Hạ tiêu: Từ miệng dưới của Vị xuống đến Tiên âm, Hậu âm, bao gồm cả bộ phận bụng dưới, Can, Thận, Đại trường, Tiểu trường, Bàn quang.

Điều 31, sách Nạn kinh nói: “Thượng tiêu từ dưới lưỡi xuống đến cách mô ngang chỗ miệng trên của Vị, chủ nạp mà không xuất. Trung tiêu là ngang giữa trung quản của Vị, chủ việc ngấu nhừ thức ăn. Hạ tiêu ngang với miệng trên của Bàn quang, chủ xuất mà không nạp để truyền tống cận bã”.

Thiên Dinh Vệ - sách Linh khu nói: “Thượng tiêu như sương mù ...” để hình dung Thượng tiêu nhiều khí. Chính vì Thượng tiêu đưa khí đi khắp toàn thân mà có tác dụng dinh dưỡng phần cơ biểu, giúp mở đóng lỗ chân lông, làm ấm ngoài da, mượt lông tóc và phát sinh được công năng bảo vệ bên ngoài (công năng này gọi là Vệ khí).

Ngoài ra, Thượng tiêu còn có công năng thu nạp. Thu nạp bao gồm thu nhận cả hô hấp và ăn uống (bởi vì Vị chủ việc tiếp nạp đồ ăn không để nôn ra ngoài, Phế chủ việc hô hấp). Cả hai đều khai khiếu ở Thượng tiêu.

Thiên Dinh Vệ sinh hội - sách Linh khu nói: “Trung tiêu như bọt nước sủi lên”. Hình ảnh bọt nước sủi lên tượng hình cho sự vận hóa thủy cốc thành Khí - Huyết - Tân - Dịch để nuôi dưỡng khắp toàn thân. Chức năng của Trung tiêu là thu nạp cốc khí, vận hóa thành tinh hoa đưa lên Phế hoá ra sắc đỏ gọi là Huyết. Tác dụng của Trung tiêu chủ yếu là hoá thủy cốc thành ra Khí - Huyết - Tân - Dịch có tác dụng dinh dưỡng toàn thân.

Thiên Dinh Vệ - sách Linh khu nói: “**Hạ tiêu như ngòi rãnh**”. Sách Trương Thị loại kinh nói: “**Ngòi rãnh là chỗ thoát (nước) ra**”. Ý nói Hạ tiêu chủ việc xuất chứ không chủ nạp. Cho nên công năng chủ yếu của Hạ tiêu là bài tiết chất cận bã ra ngoài theo Tiên âm và Hậu âm.

#### **4.3.3. Triệu chứng khi Tam tiêu bị rối loạn**

*a. Thượng tiêu:*

- Khó thở, ới mũi.

- Dễ cảm, sợ gió, sợ lạnh.
- Da lông khô, kém nhuận.

*b. Trung tiêu:*

- Đầy bụng, chậm tiêu, trướng hơi.

*c. Hạ tiêu:*

- Tiểu dầm, tiểu không tự chủ, tiểu són, tiểu lắt nhắt.
- Tiêu chảy, táo bón.

#### **4.4. Phủ Đờm**

##### **4.4.1. Dựa trên cơ sở Nội kinh**

Theo Kinh dịch, phủ Đờm ứng với quẻ Tốn của Hậu thiên Bát quái. Quẻ Tốn được giải thích như sau:

- Quẻ Tốn tượng trưng cho gió. Gió và sấm sét là hiện tượng tự nhiên cùng xuất hiện. Sấm sét tượng trưng cho quẻ Chấn (ứng với tạng Can). Do đó, người xưa cho là Can, Đờm có quan hệ với nhau.

##### **4.4.2. Chức năng sinh lý của Phủ Đờm**

*a. Đờm giả, trung tinh chi phủ:*

Phủ Đờm tàng trữ Đờm trấp do Can gạn lọc.

Rối loạn chức năng này sẽ dẫn đến:

- Không tàng trữ, sơ tiết được mật, gây đau bụng, chậm tiêu, vàng da.

*b. Đờm giả, trung chính chi quan, quyết đoán xuất yên*

Can chủ mưu lược, Đờm chủ quyết đoán. Chức năng Đờm đầy đủ thì mạnh dạn quyết định, không do dự.

#### **4.5. Phủ Vị**

##### ***Chức năng sinh lý phủ Vị***

Vị ở dưới cách mạc, trên tiếp với thực quản, dưới thông với Tiểu trường, miệng trên gọi là Bí môn, miệng dưới gọi là U môn; Bí môn cũng gọi là Thượng quản, U môn cũng gọi là Hạ quản. Thức ăn uống từ miệng vào, qua thực quản rồi vào Vị cho nên Vị gọi là Đại thượng. Cái kho lớn hoặc gọi là bể của thủy cốc.

Khí huyết của cơ thể là do chất tinh vi trong đồ ăn uống hóa sinh, bắt nguồn ở Vị. Vì thế Vị vừa là bể của thủy cốc, vừa là nguồn gốc của khí huyết. Sự vận động của lục phủ ngũ tạng, chân tay xương khớp đều nhờ vào sự dinh dưỡng của khí huyết, cho nên người có Vị khí sung bại không thu nhận được cơm nước thì tiên lượng phần nhiều là không tốt. Người xưa có nói “Ăn được thì tốt, không ăn được thì chết” tức là nói về tình huống này.

Vị có công năng thu nhận và tiêu hóa cơm nước, nếu Vị có bệnh thì sẽ xuất hiện các chứng vùng bụng trướng đau, trướng đầy, tiêu hóa không tốt, đói không muốn ăn, nôn mửa, nuốt chua hoặc tiêu cơm chóng đói

#### 4.6. Phủ Bàng quang

Chức năng sinh phủ Bàng quang

Bàng quang là nơi chứa và thải nước tiểu:

Thủy dịch qua quá trình chuyển hoá, phần cặn bã được đưa về chứa tại Bàng quang, nhờ vào sự khí hoá của Thận mà đưa ra ngoài theo đường tiểu.

Rối loạn chức năng này, dẫn đến:

- Tiểu không thông hoặc bí tiểu.
- Tiểu không cầm được.

#### 4.7. Phủ Kỳ hờng

Kỳ có nghĩa là khác.

Hờng có nghĩa là thường.

Phủ Kỳ hờng bao gồm những cơ quan không giống với đặc tính của Tạng lần đặc tính của Phủ, như: Não, Tuỷ, Cốt, Mạch, Đờm, Tử cung.

##### 4.7.1. Não Tuỷ

Não có vị trí ở trong xương sọ. Tuỷ sống ở trong xương sống. Theo YHCT, tuỷ sống qua ống tuỷ, thông lên với não. Thiên Ngũ tạng sinh thành - sách Tố vấn ghi: **“Mọi thứ tuỷ đều thuộc vào não”**. Thiên Hải luận - sách Linh khu cho rằng: **“Não là bề của tuỷ”**.

Chức năng sinh lý của não tuỷ:

Chỉ đạo mọi hoạt động tinh thần, mọi hoạt động, mọi giác quan.

Rối loạn chức năng của não tuỷ sẽ dẫn đến mất ý thức, yếu liệt, mất nhận thức cảm quan.

##### 4.7.2. Tuỷ xương - Xương

Tuỷ được sinh ra ở Thận, được chứa trong xương và có nhiệm vụ nuôi dưỡng xương.

Xương có tính cứng rắn, là giàn giáo cho cơ thể. Xương được tuỷ nuôi dưỡng mới giữ được tính cứng rắn. Thiên Giải tinh vi luận - sách Tố vấn viết: **“Tuỷ là thứ làm cho xương chắc, đặc”**.

Tinh tuỷ không đầy đủ thì xương bị còi, dễ gãy.

### 4.7.3. Mạch

Mạch được phân bố khắp toàn thân, có quan hệ chặt chẽ với tâm (tâm chủ huyết mạch). Mạch và tâm hợp tác với nhau mới đảm bảo được cho việc vận hành huyết dịch.

Chức năng sinh lý của mạch là làm cho khí huyết vận hành theo hướng nhất định và vận chuyển khí huyết đi nuôi dưỡng toàn thân.

Rối loạn chức năng của mạch có liên quan đến chức năng của tâm ngoài triệu chứng mạch đập không đều.

### 4.7.4. Tử cung

Chức năng sinh lý của tử cung là chủ việc kinh nguyệt và thụ thai.

Rối loạn chức năng này, dẫn đến vô sinh, sảy thai, kinh nguyệt ít, vô kinh.

## 5. KẾT LUẬN

Những kiến thức của YHCT về tạng phủ trong cơ thể người là kết hợp giữa kinh nghiệm lâm sàng và sự suy lý của 3 học thuyết nêu trên. Do đó để có thể áp dụng được các kiến thức về chức năng tạng phủ trong việc giải thích và biện chứng luận trị trong lâm sàng, chúng ta cần phải bám sát nội dung của các học thuyết Âm dương, Ngũ hành và Thiên nhân hợp nhất.

## CÂU HỎI ÔN TẬP

### 1. Cơ quan nào vừa là Phủ - Phủ kỳ hảng?

- A. Não
- B. Tuỷ
- C. Vị
- D. Tử cung
- E. Đờm

### 2. Chứng mất ngủ thường gặp trong:

- A. Tâm thận bất giao
- B. Can uất hoá hoả
- C. Thực trệ ở vị
- D. Đờm thấp ú trệ
- E. Tâm đờm khí hư

**3. Rối loạn chức năng “Can chủ sơ tiết ” làm xuất hiện triệu chứng:**

- A. Dễ cáu giận
- B. Dễ buồn rầu
- C. Hay lo nghĩ
- D. Hay sợ hãi
- E. Thiếu quyết đoán

**4. Tỳ Chủ cơ nhục tứ chi, vậy khi Tỳ (Thổ) suy, triệu chứng sẽ là:**

- A. Tay chân bứt rứt không yên
- B. Lòng bàn tay, chân nóng
- C. Tay chân mủ rủ, teo nhão
- D. Tay chân co rút khó cử động
- E. Tay chân đau nhức không yên

**5. Thận chủ kỹ xảo, nếu Thận suy thì triệu chứng sẽ là:**

- A. Tay chân đau nhức
- B. Tay chân run rẩy
- C. Tay chân lạnh
- D. Tay chân co quắp
- E. Tay chân mủ rủ

**6. Chứng tiểu són thường gặp trong:**

- A. Thận tinh bất túc
- B. Thận âm khuy tổn
- C. ú huyết uất trở bên trong
- D. Thấp nhiệt bàng quang
- E. Thận khí bất cố

**7. Nguyên nhân gây chứng di niệu là do rối loạn chức năng:**

- A. Phân biệt thanh lọc của Tiểu trường
- B. Thông điều thủy đạo của Phế
- C. Bàng quang
- D. Bể tàng của Thận
- E. Hạ tiêu

**8. Xuất huyết do Tỳ khí suy thường:**

- A. Huyết màu đỏ tươi
- B. Huyết màu sẫm
- C. Huyết vón thành cục
- D. Huyết màu nhợt
- E. Huyết như máu cá

**9. Rối loạn chức năng vận hoá thuỷ thấp của Tỳ đưa đến:**

- A. Huyết trắng
- B. Tiểu ít
- C. Nôn ra nước đắng
- D. Tiêu chảy sống phân
- E. Ỉa chảy lúc mờ sáng

**10. Chức năng nào sau đây thuộc Can tạng?**

- A. Sinh huyết
- B. Lý huyết
- C. Hoạt huyết
- D. Nhiếp huyết
- E. Tàng huyết

**11. Rối loạn chức năng “Can chủ sơ tiết ” làm xuất hiện triệu chứng:**

- A. Dễ cáu giận
- B. Dễ buồn rầu
- C. Hay lo nghĩ
- D. Hay sợ hãi
- E. Thiếu quyết đoán

**12. Rối loạn chức năng của Thận không đưa đến:**

- A. Khó thở
- B. Tiểu nhiều
- C. Tiêu khát
- D. Mồ hôi chảy không cầm
- E. Chảy máu tự nhiên

**13. Rối loạn chức năng “Phế chủ bì mao” do Hàn tà sẽ làm xuất hiện triệu chứng:**

- A. Sang thương chảy nước ngoài
- B. Da nổi mẩn ngứa
- C. Da khô kém tươi nhuận
- D. Không ra mồ hôi
- E. Mồ hôi ra dầm dề

**14. Tiêu chấy không xuất hiện trong:**

- A. Tỳ Thận Dương hư
- B. Thấp nhiệt đại trường
- C. Trường vị tích trệ
- D. Can thận âm hư
- E. Tỳ vị suy hư

**ĐÁP ÁN**

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
1	E
2	A
3	A
4	C
5	B
6	E
7	D
8	D

CÂU HỎI	ĐÁP ÁN
9	D
10	E
11	A
12	E
13	C
14	D
15	D